

HÌNH ẢNH MỘT NƯỚC VIỆT NAM MỚI TRONG TÁC PHẨM “TÂN VIỆT NAM” CỦA PHAN BỘI CHÂU

PHAN TRỌNG BÁU*

Trong những năm hoạt động cách mạng “đắc chí” nhất ở Nhật Bản, Phan Bội Châu đã viết “Tân Việt Nam” để tuyên truyền cho công cuộc cứu nước. Đây là một tác phẩm có nội dung khá đặc biệt. Không phải như *Việt Nam vong quốc sử* (1905) là bản cáo trạng tội ác của thực dân Pháp, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân ta nhằm đánh đuổi kẻ thù, hay như *Việt Nam quốc sử khảo* (1908) đã dựng lại quá khứ tự hào có, đau thương có để làm phấn khích lòng người đứng lên cứu nước cứu nhà. *Tân Việt Nam* nếu như đặt theo trật tự nội dung *Việt Nam quốc sử khảo* là đất nước trong quá khứ, *Việt Nam vong quốc sử* là tình trạng hiện tại của nước Việt Nam (lúc Phan Bội Châu viết sách này), thì *Tân Việt Nam* là bức tranh toàn cảnh, hoành tráng của một nước Việt Nam mới tương lai khi công cuộc Duy tân đã hoàn tất, nước nhà hoàn toàn độc lập, không còn bóng dáng của những tên “mắt xanh râu biếc” trên đất nước ta còn nhân dân ta thì thực sự làm chủ cuộc sống của mình.

Tân Việt Nam có hai phần rõ rệt: Phần thứ nhất là nội dung xây dựng một nước Việt Nam mới về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; phần thứ hai là hướng phấn đấu của toàn dân để đạt mục tiêu đã đề ra. Những nội dung trong phần đầu được chia

ra làm 10 điều mà Phan Bội Châu gọi là “thập đại khoái” (mười điều sung sướng lớn) (1). Trong đó điều được Phan Bội Châu đề lên hàng đầu là không có cường quốc bảo hộ, bởi vì thực chất cái gọi là nền “bảo hộ” của thực dân Pháp là gì? Đó là “chiếm giữ hết mọi quyền lợi và muốn làm chế ai cũng được. Tính mạng muôn người dân An Nam thua một con chó Tây; uy linh trăm ông quan thua một mù dầm” (2). Cái cực khổ, nhục nhã của một người mất nước quả là không bút nào tả xiết, giặc Pháp “không phải là cha anh của ta, mà sao lại ngồi chồm chồm trên đầu ta, ỉa đái lên đầu ta” (3). Cho nên, việc trước hết là phải “đẹp bằng lớp sóng biển lớn, quyết giết chết thằng giặc già ấy để làm rạng rỡ khí tiết giống da vàng ta” (4). Như vậy, điều kiện tiên quyết để xây dựng một nước Việt Nam mới là đất nước phải độc lập hoàn toàn, không có sự thống trị của người Pháp. Có như vậy, vận mệnh nước ta mới do nhân dân nắm giữ. Ta sẽ xây dựng một chính quyền thực sự dân chủ, chính quyền đó sẽ “do phổ thông đầu phiếu mà tạo lập nên”. Chính quyền đó tuy vẫn còn vua nhưng lại có cả nghị viện để điều tiết quyền hành của vua, thực hiện những điều mà chế độ phong kiến chuyên chế không hề có: “Những vua tệt, quan hủ không hợp công

*Viện Sử học.

đạo thì khi hội nghị trong nghị viện, dân ta hội nhau công nghị được có quyền khiển trách, trừng phạt” (5). Để lắng nghe được tiếng nói của nhân dân, chính quyền cũng sẽ chủ trương tự do ngôn luận, tự do báo chí để “làm đủ các việc nội trị, ngoại giao”, và lúc đó thì “bao nhiêu ẩn tình của chú phu xe, của người lính ngựa, của bà mẹ góa, của đứa con côi, thầy đều đạt đến tai vua” (6). Đó là việc nội trị, còn ngoại giao cũng do ta nắm giữ, ta không những bình đẳng với các lân bang lớn nhỏ như Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan và các nước Đông Nam Á mà các cường quốc xa ở châu Âu, châu Mỹ chúng ta cũng sẽ cử sứ thần đại diện và ngay cả nước Pháp, vốn là kẻ thù của dân tộc mới bị đánh đuổi chúng ta cũng đặt quan hệ ngoại giao bình đẳng. Để duy trì nền độc lập, Phan Bội Châu chủ trương xây dựng một quân đội, hùng mạnh cả về số lượng và chất lượng “ta sẽ có 300 vạn lục quân mạnh như cọp nhìn ngó trong bốn cõi, 50 vạn thủy quân dữ như kinh, ngành ngang trong biển lớn” (7). Những chủ trương xây dựng chính quyền trên đây thật khác xa một trời một vực với chính quyền của thực dân Pháp lúc đó đang “bịt kín miệng ta, trói buộc chân tay ta, gấn lấp tai mắt ta, những việc như xuất bản sách báo, luận bàn hội họp không kể ngày đêm, đông ít, lớn nhỏ đều bị người Pháp cấm đoán ngặt nghèo” (8). Tóm lại, điều “đại khoái” thứ nhất là đất nước ta không có bóng dáng của kẻ thống trị, dân tộc ta được hoàn toàn độc lập, chính quyền thuộc về tay nhân dân, có quân đội, có ngoại giao riêng.

Về xã hội, ngoài việc bình đẳng về thuế xâu, hình luật, coi trọng địa vị người lính còn có một vấn đề lớn là bình đẳng về giáo dục. Nền giáo dục này sẽ là của toàn dân mà “trên triều đình dưới xã hội đều hết lòng chăm nom” và người trong nước không

ai là không được học đến bậc tiểu học trở lên” (9). Hệ thống giáo dục mà Phan Bội Châu chủ trương là một hệ thống hoàn chỉnh từ ấu học đến đại học, mô phỏng theo các nước Âu - Mỹ. Lúc đầu có thể mời thầy nước ngoài về dạy, dần dần ta sẽ thay thế và cuối cùng nền giáo dục đó sẽ do ta đảm nhiệm hoàn toàn. Nền giáo dục này mang tính toàn diện, có đủ các ngành và các bộ môn phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước như nông nghiệp, công thương nghiệp, y học, lâm nghiệp. Ngoài ra, các môn khoa học xã hội như văn học, sử học, triết học, luật học, chính trị kinh tế... cũng được chú trọng. Nền giáo dục này còn có mục đích “mở mang lòng yêu nước và lòng tin yêu lẫn nhau” góp phần vào việc “khai dân trí giúp dân quyền, khiến cho ai ai cũng tiến bộ” (10). Đối tượng giáo dục nói chung là toàn dân nhưng ở đây Phan Bội Châu chú trọng đến *binh lính và phụ nữ*. Với binh lính, ngoài việc giáo dục tư tưởng để người lính “dám bỏ mình vì nước, vì thương yêu đồng bào, vì xây dựng cơ nghiệp nước nhà”. Phan Bội Châu còn chủ trương giáo dục kỹ thuật cho bộ binh, thủy binh, pháo binh, công binh, đào tạo các sĩ quan chỉ huy để xây dựng một đội quân chính quy hùng mạnh như đã kể trên, làm cho “thế nước mạnh nhất trong năm châu”.

Phan Bội Châu đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục phụ nữ vì người phụ nữ có vai trò to lớn trong việc xây dựng xã hội tương lai: “Mẹ tốt thì sinh con ngoan, vợ hiền thì giúp được chồng giỏi” (11), cho nên “sách để dạy chị em phụ nữ phải chọn những sách hay sách tốt, trường học để dạy chị em phụ nữ phải chọn những thầy giáo tốt và giỏi hơn” (12). Phụ nữ cũng sẽ được đào tạo để phục vụ trong các ngành kinh tế, xã hội như nam giới. Phải động viên giáo dục lực lượng đông đảo này để “phụ nữ trong nước,

người nào cũng muốn làm bà mẹ tốt, cũng muốn làm người vợ hiền, cũng muốn làm người phụ nữ tài giỏi” (13). Chủ trương giáo dục của Phan Bội Châu còn mở rộng đến việc giáo hóa những người tội phạm, lập trường dạy người mù, người câm, người điếc, trẻ mồ côi, người nghèo khổ không có điều kiện cấp sách đến trường. Tóm lại, đó là một nền giáo dục mang tính toàn dân, toàn diện và nhân văn.

Trong phần kinh tế, Phan Bội Châu cũng đề cập đến việc xây dựng một nền kinh tế độc lập, có nông nghiệp thịnh đạt, công nghiệp phát triển, thương nghiệp phồn vinh. Nền kinh tế đó có thể khai thác và phát huy được tiềm năng mọi mặt của nhân dân ta, làm cho đất nước ta ngày càng giàu mạnh, có thể cạnh tranh với tất cả các nước trên thế giới kể cả nước Pháp. Tuy nhiên, những điều mà Phan Bội Châu nêu ra đang là viễn cảnh tương lai. Vậy muốn có một nước “Việt Nam mới” thì nhân dân ta phải thực hiện cho được sáu điều mong muốn lớn tức là “lục đại nguyện” mà Phan Bội Châu sẽ trình bày tiếp theo” (14).

Hai nội dung cơ bản quán xuyên trong “lục đại nguyện” là *rèn luyện tinh thần yêu nước* và *đoàn kết thương yêu nhau*. Hai vấn đề này là những điều đã được Phan Bội Châu nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các trước tác gửi về nước từ khi Phan Bội Châu xuất dương nhưng ở đây lại gắn liền với nội dung cứu nước và xây dựng đất nước. Yêu nước lúc này là phải đổi mới tư tưởng, phải có ý chí mạo hiểm tiến thủ. Phan Bội Châu phê phán mạnh mẽ tư tưởng “yên phận” chờ thời? Phan Bội Châu cho rằng sở dĩ ta phải làm nô lệ cho thực dân Pháp chính là vì ta “không có ý chí tiến thủ mạo hiểm... tự yên phận ngu hèn, tự vui bề mề yếu” (15). Phan Bội Châu cũng chỉ ra ý chí mạo hiểm, tinh thần tiến thủ phải thể hiện trong việc

học cái hay cái mới của nước ngoài: “Người ta có máy móc, mình phải ra sức học mà làm. Người ta biết đổi mới sao mình lại chịu vụng về cổ hủ” (16). Phan Bội Châu nhấn mạnh phải đổi mới suy nghĩ, xóa bỏ sự trì trệ, sợ khó, sợ khổ, “Việc học tập tinh thông nghề nghiệp ở các nước... nhanh cũng đến hai năm, ға chớ lấy làm khó; việc học tập thành thạo các ngành... có nhanh cũng đến năm năm, ta chớ lấy làm lâu” (17). Nhưng không vì thế mà chậm chạp, phải khẩn trương vì nước nhà chìm đắm đã 50 năm rồi: “Người ta đi một tháng mới đến, ta phải gắng sức đi thẩu đích chừng vài tuần. Người ta có tài hay như chân đi được ngàn dặm ta phải cố đi cho được muôn dặm” (18). Phải có ý chí sắt đá, phải quyết tâm như vậy mới đưa được đất nước ra khỏi cảnh dầu sôi lửa bỏng.

Những điều đã trình bày trên hẳn là nhiều người đã biết, đã nói, nhưng điều cơ bản là phải thành công, phải bắt tay vào việc, phải làm, bởi vì “nói mà không làm thì cũng như không nói, biết mà không làm thì cũng như không biết” (19). Hành động cụ thể, theo Phan Bội Châu có hai ưu điểm: *hy sinh* và *đoàn kết*. Hy sinh tính mạng, hy sinh tiền bạc của cải: “Rưới máu tươi mà đánh kẻ gian nô... Đem mồ hôi nghĩa mà mua việc tốt, hãy quyên góp tiền của để mưu tính việc lớn” (20). Nhưng làm như vậy không phải là công việc của một người hay một nhóm người, mà phải là sự nghiệp của cả dân tộc. Vậy phải đoàn kết. Vấn đề này được Phan Bội Châu hết sức quan tâm, có thể nói là điều kiện tiên quyết để giải phóng dân tộc. Trong “lục đại nguyện” vấn đề đoàn kết được Phan Bội Châu nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Điều “tiên phong duy tân thứ nhất” khi nói về chí tiến thủ mạo hiểm, Phan Bội Châu cũng chỉ ra rằng để làm được việc lớn sức một người không thể

đủ mà phải hiệp sức trăm ngàn vạn người, sao cho cả nước đều thành anh hùng thì người Pháp một ngày cũng không thể ở yên. Khi nói về tinh thần tin yêu nhau trong điều “tiên phong duy tân thứ hai”, Phan Bội Châu cho rằng mặc dầu dân cư ta đông, đất đai ta rộng, của cải ta nhiều nhưng ta vẫn nghèo khổ, vẫn phải làm tội tới cho ngoại bang chính là vì “người nước ta không có tinh thần thương mến tin yêu nhau”. Phan Bội Châu kêu gọi phải gạt bỏ những riêng tư để “kết đoàn thể, liên tính tình, lập mưu trí, góp của cải, bỏ hết mọi lòng ganh ghét nhau, chung với nhau một đường sống chết, lấy sức ngàn vạn người làm của chung, lấy sức ngàn vạn người làm sức chung... (21) thì việc nặng mấy khó mấy cũng làm nên. Cũng vậy, trong “điều tiên phong thứ năm”, khi bàn về sự nghiệp thực hành công đức tức là góp sức góp của để lo cho sự nghiệp cứu nước, Phan Bội Châu lại trở lại vấn đề này. Phan Bội Châu cho rằng nếu từ xóm chợ làng quê chỗ nào cũng biết nói công đức thì ai cũng có thể làm nên chuyện. Đương nhiên, để có được kết quả ấy vấn đề đoàn kết lại càng phải đặt lên hàng đầu, không mâu thuẫn nhau, không chỉ biết có một mình mà cần liên kết rộng rãi, không tiếc tiền của, không ngại hy sinh, phải hướng đến một một đích chung: Cứu nước “Nước là nước ta, ta chỉ biết có nước mà thôi” (22).

Không những trong khi còn đấu tranh với kẻ thù chúng ta cần đoàn kết mà sau khi đã giành được độc lập, chúng ta vẫn phải “cố kết không rời nhau”; trong kinh doanh buôn bán người nước ta phải biết thương yêu nhau, tin nhau, hợp của hàng vạn người làm của chung, hợp sức của hàng vạn người làm sức chung thì việc buôn bán mới thịnh đạt.

Tóm lại, muốn có “mười điều sung sướng lớn” thì phải ra sức thực hiện “sáu điều mong muốn lớn” mà cốt lõi là hy sinh và đoàn kết.

Tân Việt Nam đã được Phan Bội Châu viết với tinh thần vô cùng phấn chấn của một người đang “đắc ý” với sự nghiệp cứu nước của mình. Do đó, trong *Tân Việt Nam* ta thấy cái hào khí luôn tỏa sáng trên đầu ngòi bút của nhà cách mạng làm cho tác phẩm như bừng lên nhiều điều mới mẻ. Trước hết, đó là chế độ dân chủ, một chế độ mà chính quyền do dân bầu ra, không phải là của một dòng họ, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi người không kể giàu nghèo sang hèn đều được học hành, kể cả những người tàn tật hoặc đang bị tù tội. Đành rằng, chế độ dân chủ này chỉ mới là quân chủ lập hiến, nhưng quyền vua không còn là tối thượng và người dân không phải là phận tôi đòi. Dưới con mắt của Phan Bội Châu, chế độ dân chủ tuy còn nhiều hạn chế nhưng cũng đã tốt đẹp so với chế độ quân chủ chuyên chế và nền thống trị hà khắc của người Pháp, và phải đến 6, 7 năm sau, Phan Bội Châu mới đến với chế độ cộng hòa dân chủ với những đặc điểm ưu việt hơn.

Tân Việt Nam còn là một tác phẩm đầy tinh thần tự hào dân tộc và lãng mạn cách mạng, đó cũng là một điều mới. Khi Phan Bội Châu viết sách này thì chế độ thống trị của thực dân Pháp ở Việt Nam đã được thiết lập vững chắc trên toàn bộ đất nước ta, thế mà Phan Bội Châu đã hình dung ra một nước Việt Nam độc lập hùng mạnh trong tương lai làm cho “nước thù địch của ta là nước Pháp cũng sợ ta, nghe theo ta, xin ta bảo hộ cho. Cờ nước ta phấp phới trên thành Paris và sắc nước ta chói rạng ở trong địa cầu... Đài kỷ niệm xây cao, muôn

đuốc sáng trưng thế giới. Nòi giống ta ưu thắng đến thế sừng biết chừng nào” (23).

Phan Bội Châu ước ao rằng nếu nước ta có một nền nông nghiệp phát triển, một nền công nghiệp hiện đại lúa gạo sẽ đầy đất và giàu mạnh tốt trời, lúc đó “danh giá nước ta trọng hơn trong thế giới” (24) và nếu chúng ta có những sản phẩm tinh xảo bán ra khắp năm châu thì “châu Âu châu Mỹ cũng phải chịu thua” và lúc đó “hàng hóa nước ta sẽ chiếm nhiều nhất thế giới... Tàu các nước ra vào cửa biển ta mỗi ngày hơn ngàn chiếc. Hóa tệ tiền bạc của vạn quốc nạp vào kho nước Nam ta ngày cũng được ứ vạn đồng” (25).

CHÚ THÍCH

(1). Đó là: 1. Không có cường quốc bảo hộ; 2. Không có bọn quan lại hại dân; 3. Không có người dân nào không được thỏa nguyện; 4. Không có người lính nào không bình đẳng; 5. Không có thuế xâu nào mà không được vinh dự; 6. Không có hình luật nào mà không công bằng; 7. Không có nền giáo dục nào mà không hoàn thiện; 8. Không có nguồn địa lợi nào mà không khai phá; 9. Không có ngành công nghệ nào mà không phát đạt; 10. Không có ngành thương nghiệp nào mà không thịnh lợi.

(2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13). *Phan Bội Châu toàn tập*. Tập 2. Nxb. Thuận Hóa, 1990.

(14). Sáu điều mong muốn lớn là: 1/ Có chí tiến thủ; 2/ Có tinh thần thương mến, tin yêu nhau; 3/ Có tinh thần tiến bước lên nền văn minh; 4/ Có sự nghiệp thực hành yêu nước; 5/ Thực hành công đức; 6/ Có hy vọng về danh dự lợi ích (có thể hiểu là phải có quan niệm mới về danh dự và lợi ích).

Cuối cùng *Tân Việt Nam* là một tác phẩm tuyên truyền chính trị, nhưng ở đây chất trữ tình kết hợp nhuần nhuyễn với tư tưởng lãng mạn, tinh thần tự hào dân tộc làm cho tác phẩm khi thì như một cáo trạng tội ác kẻ xâm lược, khi thì như những hồi kèn xung trận giục giã toàn dân tộc hăng hái tiến lên, khi thì hào sảng đến lạ lùng như tiền đồ của đất nước đang hiện ra rạng rỡ, huy hoàng cùng thôi thúc ta phải hy sinh chiến đấu. *Tân Việt Nam* xứng đáng là một tác phẩm lớn chẳng những của phong trào Đông Du mà còn là của kho tàng văn học yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ XX (26).

(15), (16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23), (24), (25). *Phan Bội Châu toàn tập*. Tập 2. Nxb. Thuận Hóa, 1990.

(26). Có thể có người đặt vấn đề: Trong khi đất nước còn đang bị thực dân Pháp thống trị, triển vọng của một nền độc lập còn khá xa vời mà Phan Bội Châu đã đưa ra một viễn cảnh quá sớm như vậy, có lẽ không thiết thực cho công cuộc vận động cách mạng? Điều đó có lý, nhưng theo chúng tôi thì không nên tách rời *Tân Việt Nam* với *Việt Nam quốc sử khảo* và *Việt Nam vong quốc sử*, bộ ba đó chính là logic của vấn đề được đặt ra cho *Tân Việt Nam* như đã trình bày ở phần đầu. Điểm nữa, lúc này Phan mới được “tháo cũi sổ lồng” từ thực tế một nước nô lệ đến một đất nước văn minh, dân trí cao, dân sinh được hưởng nhiều điều mà khi ở trong nước Phan cũng chưa hình dung được, và có thể bầu nhiệt huyết ở tuổi tráng niên tuy đã trải nghiệm ít nhiều, đã chín chắn hơn thuở làm “thí sinh quân” nhưng vẫn còn bùng nổ nóng lòng muốn giải phóng đất nước. Phải chăng đó cũng là một yếu tố mà ngòi bút trong *Tân Việt Nam* càng có dịp được bật phát?